

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 401/2023/HS-PT

Ngày: 14/9/2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

ông Nguyễn Chí Công

*Các Thẩm phán:*

ông Trương Công Thi

ông Nguyễn Tấn Trường

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 289/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo Đàm Quang H và các bị cáo khác, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm về các tội “*Nhận hối lộ*”, “*Đưa hối lộ*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023.

**- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:**

1. Đàm Quang H, sinh ngày 17/02/1964 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: số A T, tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: trước khi phạm tội là Chủ tịch UBND quận L, thành phố Đà Nẵng; là đảng viên Đ1 đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm L và bà Nguyễn Thị D; có vợ là bà Trần Thị L1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2022; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị Phương D1, sinh ngày 22/6/1974 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: số B đường B, khu dân cư Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: môi giới bất động sản; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Q và bà Nguyễn Thị Đ; có chồng (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2021; có mặt tại phiên tòa.

3. Tôn Thất Huy M, sinh ngày 01/7/1976 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: số B đường A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Thất H1 và bà Đoàn Thị V; có vợ là bà Nguyễn Thị Thu L2 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2022; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Đàm Quang H: ông Đỗ P, Luật sư của Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: số F đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Tôn Thất Huy M: ông Lê Văn C, Luật sư của Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: số I đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Trần Thị Phương D1 mua của Nguyễn Danh T 02 thửa đất liền kề nhau, có tổng diện tích là 414m<sup>2</sup>, cùng thửa 271, tờ bản đồ số 05, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng với giá khoảng 300.000.000 đồng, là đất khai hoang, hồ sơ 02 lá gồm: đơn xin giao đất xây dựng nhà ở và sơ đồ kèm theo (có dấu đỏ xác nhận của UBND phường H và chữ ký ghi tên Phan Văn V1 vào khoảng thời gian trước năm 2004). Trần Thị Phương D1 khai: “Khi D1 mua đất, Nguyễn Danh T đưa hồ sơ đất đứng tên người khai hoang (D1 không nhớ tên) nhưng D1 không nhận hồ sơ này, mà yêu cầu T làm một hồ sơ xin giao đất sang tên Trần Thị Phương D1, diện tích 414m<sup>2</sup> (tức là gộp hai thửa lại thành một thửa với tổng diện tích là 414m<sup>2</sup>). Khoảng 07 ngày sau, Nguyễn Danh T đưa hồ sơ xin giao đất tên Trần Thị Phương D1 cho D1 ký ghi họ tên vào hồ sơ này rồi cất giữ. D1 khai biết hồ sơ này là giả vì D1 không phải là người khai hoang đất, khi nhờ T làm hồ sơ mang tên mình vào năm 2015 thì UBND phường H đã chia tách...”. Nguyễn Danh T không thừa nhận nội dung này mà khai đã giao hồ sơ mang tên người khai hoang cho D1.

Tháng 01/2018, Tôn Thất Huy M đặt cọc 100.000.000 đồng cho Trần Thị Phương D1 để mua lô đất diện tích 414m<sup>2</sup> tại thửa đất số 272, tờ bản đồ 05, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, sau khi đặt cọc M không tìm được người mua lại lô đất này nên chấp nhận mất cọc, không mua nữa.

Ngày 26/02/2018, Tôn Thất Huy M tiếp tục đặt cọc 500.000.000 đồng cho Trần Thị Phương D1 để mua lại lô đất nói trên với thỏa thuận tại Hợp đồng nhận cọc như sau: “Bà D1 chuyển nhượng cho ông M lô đất nói trên với giá 04 tỷ đồng, hợp đồng mua bán chia làm bốn giai đoạn: giai đoạn 1: đặt cọc 500.000.000 đồng; giai đoạn 2: xong giấy tờ, đơn xin đất để xây dựng do UBND phường ký thì bên mua phải chùng thêm số tiền 02 tỷ đồng; giai đoạn 3: khi có biên nhận, bên mua gửi cho bên bán 800.000.000 đồng; giai đoạn 4: khi có biên lai thuế, bên mua trả hết số tiền còn lại cho bên bán. Thời gian làm giấy trong vòng 15 ngày bên mua sẽ giao cho bên bán bộ hồ sơ đơn xin giao đất để làm nhà

do UBND phường ký. Sau khi nhận giấy biên nhận, 60 ngày sau sẽ giao cho bên mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cam kết: trong vòng 60 ngày, bên bán không làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên mua, bên bán cam kết sẽ trả lại số tiền đã nhận (không đền gấp đôi), bên mua không mua, bên bán sẽ trả lại tiền cọc”.

Sau khi nhận tiền cọc, D1 đã giao cho Tôn Thất Huy M 01 bộ hồ sơ đất gồm: 01 đơn xin giao đất để xây nhà; 01 sơ đồ vị trí đất có chữ ký, dấu đỏ xác nhận của Chủ tịch UBND phường H năm 2000, thông tin lô đất đứng tên Trần Thị Phương D1.

Sau khi mua đất của D1, cũng trong ngày 26/02/2018, Tôn Thất Huy M bán đất này cho bà Nguyễn Thị Thanh H2, với giá 5.796.000.000 đồng (năm tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu đồng), nhận cọc 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và cam kết ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) trong thời hạn 03 tháng. M viết giấy nhận tiền đặt cọc mua bán nhà đất, hợp đồng đặt cọc tiền mua bán nhà đất giao cho H2 giữ.

Tôn Thất Huy M đưa hồ sơ đất tên Trần Thị Phương D1 cho Nguyễn Thị Thanh H2 xem rồi lấy lại hồ sơ và yêu cầu H2 đưa sổ hộ khẩu, CMND của H2 cho M để làm hồ sơ xin giao đất sang tên Nguyễn Thị Thanh H2. Sau khi bà H2 cung cấp sổ hộ khẩu, CMND cho M thì M đưa lại hồ sơ đất tên Trần Thị Phương D1 kèm theo sổ hộ khẩu, CMND của bà H2 cho D1 để làm hồ sơ xin giao đất tên Nguyễn Thị Thanh H2. Khoảng 07 ngày sau, Trần Thị Phương D1 giao cho Tôn Thất Huy M 01 bộ hồ sơ xin giao đất đứng tên Nguyễn Thị Thanh H2 gồm: đơn xin giao đất và sơ đồ (đã có xác nhận bằng chữ ký ghi tên Phan Văn V1 và dấu đỏ của UBND phường H năm 2000), thông tin người xin giao đất là Nguyễn Thị Thanh H2, M yêu cầu bà H2 ký, ghi họ tên vào mục người xin giao đất rồi cất giữ. Về hồ sơ này, Trần Thị Phương D1 và Tôn Thất Huy M cùng khai nhận: “chị H2 không phải là người khai hoang, H2 mua đất vào năm 2018 nhưng được UBND phường H xác nhận khai hoang đất năm 2000, và thời điểm đó UBND phường H đã chia tách...”. Cơ quan điều tra đã thu giữ giấy nhận tiền đặt cọc mua bán nhà đất, hợp đồng đặt cọc tiền mua bán nhà đất, qua giám định xác định M viết, ký tên trên các tài liệu này.

Ngày 05/3/2018, Nguyễn Thị Thanh H2 tiếp tục chuyển số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) từ tài khoản V2 số 0041000327324 của H2 sang tài khoản V2 số 0041000328288 của Tôn Thất Huy M để mua đất.

Khoảng 09h00 ngày 06/3/2018, sau khi có hồ sơ giả, Trần Thị Phương D1 hẹn gặp Tôn Thất Huy M, Nguyễn Thị Thanh H2 tại quán cà phê “Zenda” trên đường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, D1 nói M, H2 chuẩn bị số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để đi gặp Đàm Quang H (là Chủ tịch UBND quận L) tại phòng làm việc của H vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày để nhờ H làm GCNQSDĐ giúp H2. Theo thỏa thuận ban đầu với M, việc mua bán thửa đất nêu trên giá 5.796.000.000 đồng (năm tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu đồng) đã bao gồm cả chi phí làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, nên M đưa lại cho H2

số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) trong khoản tiền đặt cọc mua đất trước đó để H2 đi cùng D1 đến phòng làm việc của H đưa tiền và hồ sơ xin giao đất cho H xem làm giúp. Lúc 10 giờ 27 phút ngày 06/3/2018, M chở H2 đến ngân hàng V2, Chi nhánh H3 rút số tiền 500.000.000 đồng từ tài khoản của M số 0041000328288 đưa cho H2.

Sau đó M chở H2 và D1 đến trước trụ sở UBND quận L thì đứng đợi bên ngoài, H2 và D1 vào phòng làm việc của H bên trong trụ sở UBND quận. Tại đây, sau khi xem hồ sơ, H đồng ý giúp làm GCNQSDĐ. H2 khai để lại 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) cho D1 để đưa cho H rồi đi ra ngoài, không chứng kiến việc D1 đưa tiền cho H. Nhưng D1 lại khai khi D1 đặt vấn đề nhờ H giúp làm GCNQSDĐ cho bà H2 qua điện thoại thì H đồng ý và bà H2 trực tiếp đưa cho H số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để Hưng cấp GCNQSDĐ, lúc đó D1 đi ra ngoài trước nên không chứng kiến việc này. Hiện Nguyễn Thị Thanh H2 đang ở tại Belarus nên cơ quan điều tra không tiến hành đối chất để giải quyết mâu thuẫn được.

Theo lời khai của Nguyễn Thị Thanh H2: sau khi Đàm Quang H nhận tiền và hứa hẹn giúp, H2 tin tưởng sẽ làm được GCNQSDĐ nên đưa thêm cho Tôn Thất Huy M số tiền 1.796.000.000 đồng (một tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu đồng), M viết giấy nhận tiền giao H2 giữ. Cơ quan điều tra đã thu giữ từ H2 01 giấy thỏa thuận ngày 12/3/2018, qua giám định xác định Tôn Thất Huy M là người viết, ký tên vào chứng từ này.

Ngày 17/3/2018, Tôn Thất Huy M nhờ bà Phan Thị P1 (sinh năm: 1967, trú tại: K P, thành phố Đà Nẵng) đưa cho Trần Thị Phương D1 số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). D1 có viết giấy nhận tiền giao M giữ. Cơ quan điều tra đã thu giữ tài liệu này từ M, qua giám định xác định D1 là người viết, ký tên.

Cũng theo lời khai của Nguyễn Thị Thanh H2: khoảng đầu năm 2019, do chưa nhận được GCNQSDĐ như H hứa hẹn trước đó nên H2 liên hệ bộ phận một cửa UBND quận L hỏi về việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 271, tờ bản đồ 05, phường H thì được cán bộ ở đây trả lời là đất quốc phòng, UBND quận L không có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ. Do vậy, bà H2 đã yêu cầu Tôn Thất Huy M trả lại số tiền mà M đã nhận của H2 thông qua việc bán thửa đất 271, tờ bản đồ số 05, phường H là 3.796.000.000 đồng (ba tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu đồng), M trả cho bà H2 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) vào các ngày 07/3/2019 và ngày 21/6/2021, tính cả số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) đã đưa H trước đó, hiện M còn chưa trả bà H2 số tiền 2.696.000.000 đồng (hai tỷ, sáu trăm chín mươi sáu triệu đồng). Trần Thị Phương D1 chưa trả số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ, bốn trăm triệu đồng) cho M. Ngoài ra, H2 còn khai nhiều lần nói chuyện qua điện thoại và gặp H để lấy lại số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) nhưng H nói chỉ nhận từ D1 số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và đã trả lại số tiền này cùng hồ sơ đất cho bà H2. Trong quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thanh H2 còn giao nộp 01 USB chứa đựng 06 tập tin. H2 khai trong USB có các tập tin ghi âm 06 cuộc nói chuyện giữa H2 với Đàm Quang H (02 tập tin), với Tôn Thất Huy M (03 tập tin) và với Trần Thị Phương D1 (01 tập tin).

Trần Thị Phương D1 khai: vào ngày 05/3/2018, do quen biết Đàm Quang H từ trước nên D1 đã điện thoại, nhắn tin hẹn gặp H tại UBND quận L vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 06/3/2018 cùng với H2 để nhờ H làm GCNQSDĐ. Sau khi xem hồ sơ H đồng ý giúp và H2 đã đưa H số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi đưa hồ sơ đất và số tiền 500.000.000 đồng cho H, do đợi lâu nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ nên D1 nhiều lần nhắn tin cho H đòi lại tiền. Trong quá trình bắt tạm giam bị can Trần Thị Phương D1, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động Iphone Xsmax màu vàng, số seri: C39XHK5VKPH3, có gắn sim số: 090.1981.262. Qua kiểm tra tin nhắn phát hiện có các cuộc hội thoại giữa D1 và Đàm Quang H có nội dung đúng như lời D1 khai. Tôn Thất Huy M khai có biết việc D1 và H2 đưa hồ sơ và tiền cho H để làm GCNQSDĐ qua lời kể của D1 và H2.

Trong quá trình điều tra, Đàm Quang H khai: do quen biết từ trước nên đồng ý gặp Trần Thị Phương D1 tại phòng làm việc bên trong UBND quận L vào cuối giờ làm việc buổi sáng ngày 06/3/2018, D1 đi cùng Nguyễn Thị Thanh H2 và một người đàn ông để nhờ H giúp cấp GCNQSDĐ. Sau khi xem hồ sơ xin giao đất tên Nguyễn Thị Thanh H2, H đồng ý giúp thì H2 có để lại hồ sơ xin giao đất tên Nguyễn Thị Thanh H2 và một gói tiền có chiều cao khoảng 10-12cm được bọc trong giấy báo (H không rõ bao nhiêu tiền). Về số tiền và hồ sơ đất này, H khai bà H2 bỏ quên, nhưng sau đó lại khai nhận tiền từ bà H2 để giúp nộp lệ phí và thuế đất. Đàm Quang H có chỉ đạo ông Á (Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận L) hướng dẫn bà H2 làm các thủ tục đo đất để cấp GCNQSDĐ. Sau đó, do bà H2 không làm GCNQSDĐ nữa nên H giao lại gói tiền cho bà H2. H khai việc nhận tiền của bà H2 là sai, do xuất phát từ tình cảm cá nhân muốn giúp bà H2 làm GCNQSDĐ. Đàm Quang H cũng đã ký tên xác nhận nội dung các tin nhắn mà cơ quan điều tra đã trích xuất từ điện thoại của bị can Trần Thị Phương D1 là các cuộc hội thoại giữa H và D1.

Qua xác minh, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ trả lời về nguồn gốc lô đất trên như sau: trước ngày 15/8/2003, nguồn gốc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 05, thuộc phường H, quận L có diện tích 178.366m<sup>2</sup> là đất an ninh quốc phòng, do Bộ quản lý, đã giao một phần đất cho cán bộ chiến sỹ làm nhà ở. Ngày 24/02/2003, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2834/QĐ-UB về việc giao khu đất có diện tích 135.944m<sup>2</sup> (trong đó có thửa 271, tờ bản đồ 05) cho Công ty V3 để xây dựng KDC Vạn Tường. Ngày 15/8/2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 981/QĐ-TTg về việc thu hồi 184.152m<sup>2</sup> đất quốc phòng an ninh của Bộ (gồm nhiều thửa đất, trong đó có thửa 271, tờ bản đồ 05) để giao cho UBND thành phố Đ xây dựng khu đô thị mới.

Năm 2009, sau khi hoàn thành KDC Vạn Tường thì thừa ra 01 thửa đất có diện tích không xác định (do quá trình bàn giao không thực hiện cắm mốc tọa độ) thuộc thửa 271, tờ bản đồ số 05, có tứ cận như sau: phía Đông giáp đường N; phía Tây giáp khu dân cư quân đội; phía Nam giáp đường ray xe lửa; phía Bắc giáp đường N.

Thửa đất diện tích 414m<sup>2</sup>, thửa số 271, tờ bản đồ số 05, thuộc phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng mà Tôn Thất Huy M bán cho bà Nguyễn Thị Thanh

H2 (nay là thửa 219, tờ bản đồ số 24 theo bản đồ địa chính hiện hành) cũng nằm trong phần diện tích đất dư ra sau khi Công ty V3 xây dựng khu dân cư như nêu trên, hiện do UBND thành phố Đ quản lý, chưa có kế hoạch sử dụng đất, chưa giao quyền sử dụng đất cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào.

Ngoài ra, quá trình khám xét nơi ở Trần Thị Phương D1 thu được một số tài liệu trong đó có 04 bộ hồ sơ xin giao đất (gồm 08 tài liệu) đối với thửa đất 271 tờ bản đồ số 05, diện tích 414m<sup>2</sup> tại phường H, L, Đà Nẵng đứng tên Trần Minh P2, Trần Thị Phương D1 và Trần P3, đã được giám định xác định là giả. Trần Thị Phương D1 khai do D1 đặt Nguyễn Danh T làm nhưng T không thừa nhận, đã cho đổi chất.

Tạm giữ đồ vật, tài liệu: Số tiền 100.000.000 đồng do Tôn Thất Huy M nộp ngày 21/6/2021; 01 đơn xin giao đất để xây dựng nhà và 01 sơ đồ vị trí khu đất xin giao để xây dựng nhà ở mang tên Nguyễn Thị Thanh H2, có dấu đỏ xác nhận của UBND phường H vào năm 2000 và 01 USB có 06 file ghi âm do Nguyễn Thị Thanh H2 giao nộp; 04 đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở và 04 sơ đồ vị trí khu đất xin giao để xây dựng nhà ở mang tên Trần Thị Phương D1, Trần Minh P2, Trần P3 vào các năm 2000, 2001; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax màu vàng, số máy: MT522VNIA, số seri: C39XHK5VKPH3 đã qua sử dụng của Trần Thị Phương D1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei 354275380633123 gắn sim số 0913.438.58901, đã qua sử dụng của Đàm Quang H; hợp đồng đặt cọc ngày 26/02/2018; 01 giấy nhận tiền ngày 17/3/2018 do Tôn Thất Huy M giao nộp; 01 giấy nhận tiền cọc mua bán nhà ngày 26/02/2018; 01 hợp đồng đặt cọc tiền mua bán nhà ngày 26/02/2018; 01 giấy thỏa thuận ngày 12/3/2018 do Nguyễn Thị Thanh H2 giao nộp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đ giám định xác định:

- + Dịch nội dung các file ghi âm trong USB chị Nguyễn Thị Thanh H2 giao nộp thành văn bản;

- + Tại Kết luận giám định số 106/GĐ-TL ngày 17/12/2019 và số 106 ngày 13/10/2021 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận xác định con dấu và chữ ký mang tên Phan Văn V1 trong 05 đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở và 05 sơ đồ vị trí khu đất xin giao để xây dựng nhà ở mang tên Nguyễn Thị Thanh H2, Trần Thị Phương D1, Trần Minh P2, Trần P3 là giả;

- + Tại Kết luận giám định số 25 ngày 31/3/2020 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận xác định chữ viết, chữ ký trong 01 hợp đồng nhận cọc ngày 26/02/2018, chữ ký ghi tên Trần Thị Phương D1 trong 01 giấy nhận tiền ngày 17/3/2018 là do Trần Thị Phương D1 viết và ký tên;

- + Xác định chữ ký, chữ viết Tôn Thất Huy M trong 01 giấy nhận tiền cọc mua bán nhà ngày 26/02/2018, 01 hợp đồng đặt cọc tiền mua bán nhà ngày 26/02/2018, 01 giấy thỏa thuận ngày 12/03/2018 do Tôn Thất Huy M viết và ký tên; Cơ quan CSĐT - Công an tp. Đ đã trưng cầu Viện khoa học hình Bộ C1 giám định xác định giọng nói trong 02 file ghi âm ký hiệu “20190124133630.m4a”; “20190218112530.m4a” là giọng nói của ông Đàm

Quang H, 02 đoạn ghi âm không bị cắt ghép, chỉnh sửa và đã dịch nội dung 02 đoạn ghi âm nêu trên thành văn bản (BL 46-58).

Tại Kết luận giám định số 799 ngày 08/4/2022 của V4 Bộ C1 kết luận về file ghi âm 5.13 MB, dịch nội cuộc nói chuyện giữa M và H2 ghi ngày 28/02/2018, đã xác định giọng nói là của Tôn Thất Huy M.

Qua kiểm tra điện thoại Iphone XSMAX phát hiện và ghi nhận nội dung tin nhắn giữa bị can Trần Thị Phương D1 và ông Đàm Quang H trong thời gian từ ngày 05/3/2018 đến ngày 10/12/2018. Ông Đàm Quang H đã ký xác nhận nội dung tin nhắn này (BL 506-522).

Tại Quyết định số 3975 ngày 22/8/2016, Quyết định số 1275 ngày 12/4/2028 và Quyết định số 3621 ngày 30/8/2019 của UBND quận L về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND quận L năm 2016-2021 quy định nhiệm vụ cụ thể của ông Đàm Quang H như sau:

Tại khoản 1 Điều 2 quy định: Chủ tịch UBND quận là người đứng đầu UBND quận có các nhiệm vụ quyền hạn sau đây:

Lãnh đạo và điều hành các công việc của UBND, lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận;

Tại khoản 6 Điều 2 quy định: Chỉ đạo điều hành UBND cấp phường; ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND quận hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận thực hiện nhiệm vụ quyền hạn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND quận.

Điều 5 quy định:

“a) Lãnh đạo chỉ đạo toàn diện công tác của UBND quận...

b) Trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực ngân sách, an ninh - quốc phòng, tư pháp, thanh tra, tổ chức cán bộ, quy hoạch kiến trúc, phát triển đô thị, phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, quản lý đô thị, giao thông công chính, xây dựng cơ bản, tài nguyên môi trường.”

Qua xác minh tại UBND quận L: Vào năm 2018, với chức trách là Chủ tịch UBND quận L, trực tiếp phụ trách lĩnh vực tài nguyên môi trường, ông H có đầy đủ chức năng thẩm quyền chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các phòng, ban, đơn vị và ký các văn bản theo thẩm quyền trong quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND quận L.

Tại Điều 17 Quy chế làm việc của UBND quận L quy định: “Chủ tịch UBND quận ký các văn bản sau đây: a) Văn bản quy phạm pháp luật của UBND quận; Tờ trình, các báo cáo, công văn hành chính của UBND quận gửi cơ quan Nhà nước cấp trên và HĐND quận”.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:*

- Áp dụng khoản 3 Điều 364; điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; (điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”); Điều 54; Điều 55 của Bộ luật hình sự; xử phạt Trần

Thị Phương D1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”; 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 14/9/2021.

- Áp dụng khoản 3 Điều 364; điểm c khoản 2 Điều 341; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật hình sự; xử phạt Tôn Thất Huy M 05 (năm) năm tù về tội “Đưa hối lộ”; 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 20/5/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự; xử phạt Đàm Quang H 07 (bảy) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 30/5/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 16 và 17/5/2023, các bị cáo Đàm Quang H, Trần Thị Phương D1 và Tôn Thất Huy M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Đàm Quang H còn cho rằng số tiền bị cáo thực nhận là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng chứ không phải 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng như kết luận của Toà án cấp sơ thẩm.

Tại Quyết định số 339/QĐ-VKS-P2 ngày 24/5/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm, đề nghị không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54, đồng thời tăng hình phạt đối với Trần Thị Phương D1 và Tôn Thất Huy M.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo, với lý do mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là quá nặng. Đàm Quang H giữ nguyên kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ nhận số tiền hối lộ 300.000.000 đồng và đã trả lại toàn bộ số tiền này nên việc Toà án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 500.000.000 đồng là không có cơ sở và không phù hợp với thực tế vụ án.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giảm hình phạt cho các bị cáo. Luật sư của Đàm Quang H và Tôn Thất Huy M đề nghị Toà án cấp sơ thẩm xem xét lại số tiền thực tế mà H đã nhận; M có vai trò thứ yếu trong vụ án, từ đó xem xét không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, chấp nhận kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng, tăng hình phạt đối với Trần Thị



Phương D1 và Tôn Thất Huy M; đồng thời giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với Đàm Quang H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Toà án cấp sơ thẩm xét xử vụ án, trong ngày 16 và ngày 17/5/2023, các bị cáo Đàm Quang H, Trần Thị Phương D1 và Tôn Thất Huy M kháng cáo; ngày 24/5/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 339/QĐ-VKS-P2 kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 333 và khoản 1 Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự thì các bị cáo kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[2.1]. Về tội danh:

Năm 2015, Trần Thị Phương D1 nhận chuyển nhượng của Nguyễn Danh T 02 thửa đất liền kề nhau, mỗi lô 207m<sup>2</sup>, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đất này T khai mua của người khai hoang sau đó tự ý gộp thành 01 thửa 414m<sup>2</sup>. Ngày 26/02/2018, Trần Thị Phương D1 chuyển nhượng cho Tôn Thất Huy M với giá tiền 04 tỷ đồng, đặt cọc 500.000.000 đồng. Trong cùng ngày, M bán lại lô đất này cho bà Nguyễn Thị Thanh H2 với giá 5.796.000.000 đồng (năm tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu đồng), nhận cọc 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Do thửa đất này là đất quốc phòng, không có giấy tờ hợp pháp nên D1, M đã làm hồ sơ giả cho thửa đất khi chuyển nhượng. Ngoài hồ sơ thửa đất này, Cơ quan điều tra còn xác định D1 làm giả một số giấy tờ nguồn gốc đất khác. Để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H2 như đã thỏa thuận, D1, M và H2 đã thống nhất liên hệ, hẹn gặp Đàm Quang H là Chủ tịch UBND quận L nhờ làm. Ngày 06/3/2018, sau khi cùng nhau đến Ngân hàng rút số tiền 500.000.000 đồng từ tài khoản của M, cả 03 đã đến trụ sở UBND quận L. Tại phòng làm việc của H, D1 và H2 đã đưa tiền và hồ sơ, nhờ H làm giúp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, H đã yêu cầu ông Á (Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận L) đi thực tế kiểm tra đo đạc, yêu cầu cắm mốc đối với thửa đất, hướng dẫn H2 làm các thủ tục đo đất để được cấp. Do không thể làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, D1 và H2 nhiều lần liên hệ đòi tiền nên H đã đưa lại cho H2 300.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Đàm Quang H về tội “Nhận hối lộ” theo điểm a khoản 3 Điều 354 của Bộ luật hình sự; Trần Thị Phương D1 về tội “Đưa hối lộ” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 364 và điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự; Tôn Thất Huy M về tội “Đưa hối lộ” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ

chức” theo điểm a khoản 3 Điều 364 và điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Về số tiền đưa, nhận hồi lộ:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, Đàm Quang H chỉ thừa nhận đã nhận của hồi lộ là 300.000.000 đồng, sau đó đã trả lại cho H2. Tuy nhiên, xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, Trần Thị Phương D1, Tôn Thất Huy M và Nguyễn Thị Thanh H2 đều khai bàn bạc, thống nhất chuẩn bị số tiền 500.000.000 đồng, rồi liên hệ với H để đưa, nhờ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H2. Ngày 06/3/2018, D1, M và H2 cùng đến Ngân hàng để rút 500.000.000 đồng từ tài khoản của M mang đến phòng làm việc đưa cho H. Khi đưa, số tiền hồi lộ này được buộc chặt, bỏ vào trong 01 túi và đưa cùng hồ sơ. Sau này, khi H không làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã hứa, D1 và H2 đã nhả tin, gọi điện thoại để đòi H số tiền 500.000.000 đồng. Như vậy, mặc dù bị cáo H chỉ thừa nhận có nhận số tiền 300.000.000 đồng, nhưng căn cứ vào lời khai của Trần Thị Phương D1, Tôn Thất Huy M, Nguyễn Thị Thanh H2 và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận H đã nhận số tiền 500.000.000 đồng.

[2.3]. Về người trực tiếp đưa tiền hồi lộ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Trần Thị Phương D1 và Nguyễn Thị Thanh H2 có lời khai mâu thuẫn nhau về việc ai là người trực tiếp đưa của hồi lộ cho Đàm Quang H. Theo đó, D1 thì khai H2 là người đưa, còn H2 thì khai D1 là người đưa. Tại phiên toà sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, H khai khi đưa tiền có cả D1 và H2. Xét thấy, việc đưa tiền cho H đã được D1, Tôn Thất Huy M và H2 bàn bạc, thống nhất cùng thực hiện từ trước và thực tế, ngày 06/3/2018, D1, M và H2 cùng đi rút tiền, cùng đến nơi H làm việc để đưa, nên việc ai là người trực tiếp cầm tiền (của hồi lộ) đưa cho H không ảnh hưởng đến việc xác định trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

[2.4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đàm Quang H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả và có thành tích xuất sắc trong công tác quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Các bị cáo Trần Thị Phương D1, Tôn Thất Huy M được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo D1 có gia đình truyền thống cách mạng, hoàn cảnh khó khăn; bị cáo M và D1 đều có những đóng góp trong đợt dịch Covid nên được áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là đúng. Bị cáo Trần Thị Phương D1 phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhiều lần nên thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Vụ án được phát hiện do có đơn tố cáo của Nguyễn Thị Thanh H2; quá trình điều tra, các bị cáo M và D1 chỉ tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51, từ đó áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với tội “Đưa hồi lộ” là không

đúng quy định của Bộ luật hình sự và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ. Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo nhưng lại không phân tích, đánh giá, nhận định lý do áp dụng quy định này là thiếu sót và không có cơ sở để chấp nhận.

[2.5]. Về hình phạt:

Mặc dù bị cáo Đàm Quang H được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, nhưng việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo mức hình phạt 07 năm tù trong trường hợp cụ thể này là có phần nhẹ. Bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới đáng kể nên không có cơ sở để xem xét, chấp nhận. Do không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đối với các bị cáo Trần Thị Phương D1 và Tôn Thất Huy M, do áp dụng không đúng quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D1 05 năm 06 tháng tù, xử phạt M 05 năm tù về tội “Đưa hối lộ” là nhẹ. Bên cạnh đó, vai trò của các bị cáo trong vụ án như nhau nhưng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khác nhau là không phù hợp. Mặt khác, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, tăng hình phạt đối với các bị cáo.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đàm Quang H, Trần Thị Phương D1 và Tôn Thất Huy M; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với Đàm Quang H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 09/5/2023 của

Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, tăng hình phạt đối với Trần Thị Phương D1 và Tôn Thất Huy M về tội “Đưa hối lộ”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự; xử phạt Đàm Quang H 07 (bảy) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 30/5/2022).

- Áp dụng khoản 3 Điều 364; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”); Điều 55 của Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Thị Phương D1 07 (bảy) năm tù về tội “Đưa hối lộ” 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 14/9/2021).

- Áp dụng khoản 3 Điều 364; điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự; xử phạt Tôn Thất Huy M 07 (bảy) năm tù về tội “Đưa hối lộ” 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 20/5/2022).

2. Buộc Đàm Quang H, Trần Thị Phương D1 và Tôn Thất Huy M phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng (07);
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS CA thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam, CA thành phố Đà Nẵng (04 bản để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Chí Công**